

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **10/2022/HNGĐ-ST**
Ngày: 18 - 02 – 2022
V/v “*Tranh chấp xin ly hôn và
nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Tấn Đầu**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Vũ Văn Hợp**

2. Ông **Nguyễn Văn Kiện**

- Thư ký phiên Tòa: Bà **Lữ Cẩm Nhung** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Tấn Lực** – Kiểm Sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2021/TLST- HNGĐ, ngày 01 tháng 11 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Thị C**, sinh năm: 1994

Địa chỉ: ấp AB, xã MH, huyện CT, tỉnh KG.
(Chị Cẩm có mặt tại phiên tòa).

* *Bị đơn:* Anh **Võ Văn S**, sinh năm: 1991

Địa chỉ: ấp AB, xã MH, huyện CT, tỉnh KG.
(Anh S được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/10/2021, bản tự khai, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị C trình bày:* Vào năm 2014 chị C và anh Võ Văn S tự nguyện thương yêu nhau, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã SK, huyện HD, tỉnh KG cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 105, ngày 04/8/2014. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng chị sống với nhau rất hạnh phúc, nhưng thời gian sau giữa chị và anh S không hiểu nhau và phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống không giải quyết được dẫn đến thường xuyên cãi vã, gây lộn trong gia đình. Nhận thấy không thể có một cuộc hôn nhân hạnh phúc, vào khoảng tháng 10/2020 chị và anh S đã sống và ly thân đến nay. Về con chung: trong thời gian chung sống anh chị có 01 người con tên Võ Thế V, sinh ngày 07/11/2014 hiện đang sống cùng chị. Về tài sản chung và nợ chung: trong quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ ai.

Nay chị C yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Võ Văn S;
- Về con chung: Xin được tiếp tục nuôi dưỡng người con chung tên Võ Thế V, sinh ngày 07/11/2014, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con;
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Võ Văn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thông báo thụ lý vụ án nhưng anh S cố tình trốn tránh không nhận nên Tòa án đã tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Qua thời gian luật định anh S vẫn không tự khai và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án. Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để cho vợ chồng chị Thị C và anh Võ Văn S có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng anh S vẫn cố tình vắng mặt. Trước khi mở phiên tòa hôm nay Tòa án cũng đã triệu tập anh S đến lần thứ*

hai nhưng anh S0 vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả xác minh Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

** Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Thị C và anh Võ Văn S. Cho chị Thị C được ly hôn với anh Võ Văn S.

Về con chung: Giao cháu Võ Thế V, sinh ngày 07/11/2014 cho chị Thị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bởi vì kể từ sau khi chị Thị C và anh S ly thân thì chị Thị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thế V, do đó cần giao cháu Thế V cho chị Thị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị Thị C xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Chị Thị C xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Thị C thực hiện quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

[2] - Về quan hệ pháp luật tranh chấp, nguyên đơn chị Thị C yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Võ Văn S và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Võ Thế V, sinh ngày 07 tháng 11 năm 2014, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Nên quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định trong vụ án là “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*”.

[3] - Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Võ Văn S đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt xét xử hợp lệ, đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Thị C thống nhất yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Văn S theo quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Văn S.

[4] - Về nội dung: Chị Thị C và anh Võ Văn S xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã UBND xã SK, huyện HĐ, tỉnh KG cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 105, ngày 04/8/2014 nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thị C yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn S: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án chị C xác nhận, sau khi kết hôn chị và anh S sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, theo chị C nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, anh S không lo làm ăn, không quan tâm vợ con từ đó chị và anh S sống ly thân với nhau từ tháng 10/2020 đến nay. Đối với anh Võ Văn S mặc dù Tòa án đã nhiều lần tổng đạt Thông báo hòa giải để mở phiên hòa giải nhằm mục đích động viên chị Thị C và anh Võ Văn S có cơ hội hàn gắn đoàn tụ nhưng anh S vẫn vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến thứ hai để anh S có mặt tham gia phiên tòa nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh S vẫn vắng mặt, chứng tỏ anh S không muốn gặp mặt để hòa giải đoàn tụ với chị Thị C. Đồng thời chị Thị C vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với anh S và trên thực tế anh chị đã ly thân từ

tháng 10/2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn về hôn nhân giữa chị Thị C và anh Võ Văn S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, tại phiên tòa chị C cương quyết yêu cầu xin được ly hôn với anh S. Do đó việc xin ly hôn của chị C đối với anh S là hoàn toàn có căn cứ phù hợp tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Thị C đối với anh Võ Văn S.

[5] - Về con chung: Chị Thị C xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị có con chung là Võ Thế V, sinh ngày 07/11/2014 hiện đang sống cùng chị C. Nay chị C yêu cầu được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thế V và chị không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng kể từ sau khi 02 vợ chồng ly thân (tháng 10/2020) cho đến nay chị C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thế V và chị vẫn chăm sóc tốt cho cháu Thế V nên Hội đồng xét xử giao cháu Thế V cho chị Thị C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sinh sống của cháu và cũng là phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con. Anh Võ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về việc cấp dưỡng nuôi con: do chị Thị C không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] - Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh S đúng theo quy định pháp luật nhưng anh S vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không tiến hành hoà giải, đối chất về tài sản chung giữa chị Thị C và anh S được. Hơn nữa tại phiên tòa chị Thị C xác nhận vợ chồng chị không tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, về phần tài sản chung HĐXX không xem xét nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì đương sự có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định pháp luật.

[7] - Về nợ chung: Chị Thị C xác nhận trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có nợ ai và không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] - Xét quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật như đã phân tích nêu trên, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[9] - Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc chị Thị Cẩm phải chịu 300.000đ tiền án phí nhưng chị Thị C được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000785, ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 2, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Thị C đối với bị đơn anh Võ Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Thị C được ly hôn với bị đơn anh Võ Văn S.

2. Về quan hệ con chung: Giao cháu Võ Thế V, sinh ngày 07/11/2014 cho chị Thị C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Thị C không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Văn S có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Thị C xác định là không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Thị C xác định là không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Thị C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm với số tiền là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000785, ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- UBND phường An Hòa;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Tấn Đầu

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN CHỦ TỌA - PHIÊN TÒA

